

TINH THẦN DUNG HỢP TRONG TƯ TƯỞNG TRẦN NHÂN TÔNG: ỨNG DỤNG VÀO VIỆC XÂY DỰNG GIÁ TRỊ CÁ NHÂN TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

ĐOÀN MAI NGỌC

Trường Đại học Luật, Đại học Quốc Gia Hà Nội
University of Law, Vietnam National University

Email: maingoc8120@gmail.com

Tóm tắt

Trong bối cảnh lịch sử thời Trần, Trần Nhân Tông được xem như một hình mẫu tư tưởng đặc biệt, thể hiện qua khả năng dung hợp và vận dụng linh hoạt các luồng tư tưởng đương thời. Trên nền tảng đó, ông đã kiến tạo một hệ giá trị văn hóa cá nhân vừa sâu sắc về mặt tâm linh, vừa gắn bó chặt chẽ với đời sống xã hội và vận mệnh dân tộc. Bài viết phân tích nội hàm tinh thần dung hợp trong tư tưởng Trần Nhân Tông, qua đó làm rõ tính ứng dụng trong việc xây dựng giá trị cá nhân một cách cân bằng, linh hoạt và có trách nhiệm trong bối cảnh hiện nay.

Từ khóa: giá trị cá nhân, tinh thần dung hợp, tư tưởng Trần Nhân Tông, xây dựng giá trị

Abstract

In the historical context of the Tran Dynasty, Tran Nhan Tong is regarded as a unique intellectual role model, demonstrated through his ability to integrate and flexibly apply contemporary ideas. On this foundation, he created a system of personal cultural values that was both profoundly spiritual and closely intertwined with social life and the nation's destiny. This article analyzes the spiritual essence of integration in Tran Nhan Tong's thought, thereby clarifying its application in building balanced, flexible, and responsible personal values in the present context.

Keywords: personal values, spirit of integration, Tran Nhan Tong's thought, value construction

Ngày nhận bài: 04/02/2026

Ngày duyệt đăng: 09/07/2026

Trong bối cảnh xã hội hiện đại với tác động mạnh mẽ của toàn cầu hóa, truyền thông số và mạng xã hội, vấn đề xác lập giá trị cá nhân và năng lực tự định hướng đang trở thành một yêu cầu quan trọng đối với mỗi cá nhân. Sự suy giảm vai trò của nhiều hệ giá trị truyền thống cùng sự xuất hiện đồng thời của các chuẩn mực, lối sống khác nhau đã đặt người trẻ trước những thách thức trong việc nhận diện bản thân và lựa chọn giá trị phù hợp để theo đuổi. Trước thực trạng đó, việc tìm kiếm cơ sở và phương pháp định hướng cho quá trình xác lập hệ giá trị cá nhân là một yêu cầu cấp thiết.

Trong lịch sử Việt Nam, Trần Nhân Tông là một nhân vật đặc biệt. Tư tưởng của ông được hình thành trên nền tảng dung hợp các dòng tư tưởng đương thời, không chỉ thể hiện chiều sâu trí tuệ của một nhân vật lịch sử tầm vóc mà còn gợi mở những định hướng có thể vận dụng trong xã hội hiện đại. Mặc dù đã có nhiều công trình nghiên cứu về Trần Nhân Tông trên các phương diện triết học, Phật học, văn hóa và lịch sử, song chưa có nhiều nghiên cứu đặt tư tưởng của ông trong mối liên hệ trực tiếp với yêu cầu xây dựng hệ giá trị cá nhân trong bối cảnh hiện đại. Bài viết tập trung phân tích tinh thần dung hợp trong tư tưởng của Trần Nhân Tông, qua đó làm rõ ý nghĩa và khả năng vận dụng đối với việc định hình hệ giá trị cá nhân. Thông qua phương pháp nghiên cứu tài liệu, kết hợp phân tích – tổng hợp, lịch sử – logic và diễn giải văn bản, bài viết làm rõ nội dung tinh thần dung hợp trong tư tưởng của Trần Nhân Tông,

đồng thời đối chiếu với những vấn đề của đời sống xã hội hiện đại để rút ra ý nghĩa định hướng đối với việc hình thành hệ giá trị cá nhân.

1. Tinh thần dung hợp dưới góc tiếp cận hiện đại và triết học phương Đông

1.1. Tinh thần dung hợp dưới góc tiếp cận hiện đại

Trong bối cảnh giao lưu và tiếp xúc văn hóa ngày càng sâu rộng, vấn đề dung hợp nổi lên như một phạm trù quan trọng để nhận diện những biến đổi trong cấu trúc ý thức, hệ thống giá trị và cách con người định hướng hành động. Trong các nghiên cứu về văn hóa và tâm lý học hiện đại, “dung hợp” thường được tiếp cận như một quá trình động, gắn với sự vận động và tái cấu trúc các hệ thống ý nghĩa. H.G. Gadamer cho rằng: sự gặp gỡ giữa các truyền thống khác nhau không dẫn đến triệt tiêu lẫn nhau, mà tạo nên sự dung hợp các hệ quy chiếu, trong đó các hệ quy chiếu được mở rộng và tái định vị trong một không gian ý nghĩa mới.¹ Ở bình diện xã hội – văn hóa, J. W. Berry cũng nhấn mạnh mô hình sự hòa hợp, tức là khả năng vừa duy trì bản sắc gốc, vừa tham gia hiệu quả vào đời sống văn hóa – xã hội rộng lớn hơn, như một hình thức có tính chọn lọc và sáng tạo.²

Trong các nghiên cứu về văn hóa, dung hợp được nhận diện bởi hai câu hỏi cơ bản: (i) Bản sắc văn hóa và các giá trị tập quán có được duy trì hay không?” và (ii) Có sự tìm kiếm và duy trì các mối quan hệ tích cực với xã hội lớn hơn (xã hội tiếp nhận) hay không? Trên cơ sở kết hợp các khả năng trả lời có/không đối với hai câu hỏi này, Berry và cộng sự đã xây dựng bốn mô thức thích nghi văn hóa cơ bản, bao gồm: “Dung hợp”: cá nhân vừa duy trì bản sắc văn hóa gốc vừa tham gia tích cực vào xã hội tiếp nhận; “Đồng hóa”: cá nhân từ bỏ bản sắc văn hóa gốc để hòa nhập vào xã hội chủ lưu; “Tách biệt”: cá nhân bảo lưu bản sắc văn hóa gốc nhưng hạn chế hoặc từ chối việc thiết lập quan hệ với xã hội tiếp nhận; và “Bên lề”: cá nhân không duy trì được bản sắc văn hóa gốc cũng như không hình thành được các mối liên hệ xã hội bền vững trong xã hội tiếp nhận.³ Theo cách phân biệt này, dung hợp không phải là trạng thái thỏa hiệp đơn thuần giữa các tư tưởng, mà phản ánh một hình thức thích nghi hai chiều, trong đó cá nhân vừa bảo toàn căn tính văn hóa của mình, vừa từng bước mở rộng năng lực tương tác và hội nhập trong bối cảnh văn hóa mới.

Ở bình diện cá nhân, dung hợp phản ánh cách con người tổ chức và điều hòa các năng lực văn hóa của mình trong điều kiện tiếp xúc với nhiều hệ giá trị khác nhau. Chính trong quá trình này, những khuynh hướng tư duy, cảm xúc và hành vi mới được hình thành, giúp cá nhân thích ứng linh hoạt với các môi trường xã hội đa dạng mà không cần phải từ bỏ hoàn toàn những giá trị nền tảng đã có. Khi cá nhân tiếp xúc với một nền văn hóa mới, họ trải qua quá trình “bổ sung mạng lưới”, điều chỉnh các quá trình tâm lý, bao gồm cả giá trị để phù hợp với các thói quen và định chế của môi trường mới, đây được coi là quá trình “tiếp biến văn hóa”.⁴

Trên cơ sở kế thừa các quan điểm trên, có thể hiểu rằng: Dung hợp là quá trình chủ thể tiếp nhận, chọn lọc và sắp xếp lại các hệ thống giá trị và ý nghĩa trong một trật

1 HansGeorg Gadamer, *Truth and method*, Nxb. Continuum, London/New York, 2004, tr. 305.

2 John W. Berry, “Immigration, acculturation and adaptation”, *Applied Psychology: An International Review*, Vol. 46(1), 1997, tr. 9. DOI: <https://doi.org/10.1111/j.1464-0597.1997.tb01087.x>

3 Young Yun Kim, *Becoming intercultural: An integrative theory of communication and cross cultural adaptation*, Nxb. Sage, Thousand Oaks, CA/London, 2001, tr. 25. DOI: <https://doi.org/10.4135/9781452233253>

4 Batja Mesquita, Jozefien De Leersnyder, Alba Jasini, “The cultural psychology of acculturation”, trong *Handbook of cultural psychology*, ed. Shinobu Kitayama và Dov Cohen, Nxb. Guilford Press, New York, 2019, tr. 5.

tự mới, qua đó hình thành những khuynh hướng tư duy và hành động mới, đồng thời vẫn duy trì những nền tảng giá trị cốt lõi đã được nội tâm hóa. Dung hợp không đồng nhất với sự cộng gộp hay pha trộn ngẫu nhiên, mà là sự kết tinh có chọn lọc. Quá trình này cho phép các chủ thể vừa duy trì được những nền tảng giá trị đã được nội tâm hóa, vừa tiếp nhận và vận dụng các giá trị mới mà không rơi vào tình trạng đứt gãy bản sắc.

Về đặc điểm, thứ nhất đây là một quá trình hai chiều, trong đó việc tiếp nhận các giá trị mới không đồng nghĩa với sự suy giảm hay mất đi các giá trị cũ. Các hệ giá trị có thể được duy trì song song, thậm chí bổ trợ cho nhau trong việc định hướng hành vi. Thứ hai, sự dung hợp thường diễn ra một cách ngầm định, thông qua các tương tác xã hội thường nhật. Thứ ba, mức độ và cách thức dung hợp phụ thuộc chặt chẽ vào bối cảnh xã hội, bao gồm môi trường giao tiếp, thiết chế xã hội và mức độ chấp nhận sự khác biệt văn hóa.

Từ những phân tích trên, có thể thấy dung hợp đối với cá nhân không chỉ là một hiện tượng mang tính tâm lý – xã hội, mà còn là một nguyên tắc tổ chức giá trị có ý nghĩa lý luận sâu sắc. Việc tiếp cận tinh thần dung hợp như một quá trình tái cấu trúc hệ giá trị mở ra khả năng lý giải những hệ tư tưởng và mô hình văn hóa mang tính tổng hợp trong lịch sử, đồng thời cung cấp cơ sở lý luận cho việc định hướng giá trị cá nhân trong bối cảnh xã hội hiện đại biến động.

1.2. Tinh thần dung hợp dưới góc tiếp cận triết học

Trong phạm vi bài viết, dung hợp có thể được hiểu là khuynh hướng tiếp thu, điều hòa và chuyển hóa những giá trị khác biệt để hình thành một chỉnh thể thống nhất. Các yếu tố được tiếp nhận không còn tồn tại rời rạc mà được sắp xếp lại theo một logic nội tại mới. Dung hợp không đồng nghĩa với việc xóa bỏ khác biệt, mà là quá trình lựa chọn, điều chỉnh và kết nối các yếu tố khác nhau để chúng có thể cùng tồn tại và phát huy giá trị trong một chỉnh thể hài hòa.

Trong triết học, chiết trung là khuynh hướng lựa chọn những yếu tố được xem là hợp lý từ nhiều học thuyết khác nhau để kết hợp lại. Dung hợp có điểm gần gũi với chiết trung ở chỗ cả hai đều tiếp thu từ nhiều nguồn tư tưởng khác nhau. Tuy nhiên, dung hợp nhấn mạnh hơn đến sự hòa quyện và chuyển hóa để tạo nên một chỉnh thể mới có tính thống nhất cao hơn. Theo nghĩa này, dung hợp không chỉ là sự kết hợp các yếu tố khác biệt mà còn là quá trình kiến tạo một cấu trúc giá trị mới trên cơ sở những yếu tố đã được lựa chọn và tích hợp.

Từ góc nhìn triết học phương Đông, tinh thần dung hợp được hình thành trên nền tảng thế giới quan tương quan và phi nhị nguyên, trong đó các mặt đối lập không bị phân tách tuyệt đối mà được nhận thức như những phương diện cùng tồn tại trong một chỉnh thể hài hòa. Chính cấu trúc tư duy đó đã tạo điều kiện cho sự tồn tại đồng thời của Nho giáo, Đạo giáo và Phật giáo trong bối cảnh xã hội đương thời, khi những luồng tư tưởng này mang tính “thấm thấu”, có khả năng tương tác và bổ sung lẫn nhau thay vì loại trừ.⁵

Một trong những yếu tố giúp Tam giáo có khả năng cùng tồn tại lâu dài là bởi trong mỗi hệ tư tưởng đều hàm chứa những nguyên lý nội tại hướng đến sự điều hòa và giảm thiểu đối lập. Nho giáo đề cao tinh thần trung dung, nghĩa là đứng giữa, không

5 David Jones, Roger T. Ames, “Philosophy and the early Chinese world view – An interview with Roger Ames”, *Education About Asia*, Vol. 9(1), 2004.

thiên lệch, không thái quá, là cách ứng xử và hành động đúng mực và linh hoạt của con người tránh siêu hình, máy móc.⁶ Đạo giáo hướng đến sự hài hòa với Đạo, trong đó nguyên lý trọng tâm là vô vi. “Vô vi” là một học thuyết triết học của người Trung Hoa cổ đại đã được Lão Tử nâng lên thành học thuyết về nghệ thuật sống của con người trong sự hòa nhập với tự nhiên.⁷ Trong khi đó, Phật giáo đề cao trung đạo, với tư cách là nguyên tắc điều hòa các khuynh hướng cực đoan trong nhận thức và thực hành. Trong lịch sử Trung Hoa, mối quan hệ giữa ba hệ tư tưởng Phật, Nho và Lão Trang vô cùng phức tạp: có giao lưu, có điều hòa, có tiếp biến, thậm chí có đấu tranh. Nhưng xu hướng chủ yếu vẫn là xu hướng điều hòa, dung hợp Tam giáo.⁸ Đây không phải là sự pha trộn giản đơn, mà là một quá trình tiếp biến có định hướng, nhằm duy trì trật tự tư tưởng và sự ổn định văn hóa – xã hội trong những bối cảnh lịch sử cụ thể.

Có thể thấy, tinh thần dung hợp trong tư tưởng triết học phương Đông, thông qua Tam giáo, không xuất phát từ sự dung hòa mang tính tình thế mà được hình thành trên nền tảng những nguyên lý nội tại của mỗi hệ tư tưởng. Chính sự tương đồng ở chiều sâu này đã hình thành nên khuynh hướng Tam giáo đồng nguyên ở Việt Nam, được thể hiện rõ nét và phát triển mạnh mẽ nhất vào thời Lý – Trần, từ thế kỷ XI đến thế kỷ XIV.

2. Những khía cạnh chủ yếu của tinh thần dung hợp trong tư tưởng Trần Nhân Tông

2.1. Dung hợp giữa các hệ tư tưởng Nho giáo – Phật giáo – Đạo giáo

Tinh thần dung hợp tam giáo trong tư tưởng của Trần Nhân Tông không xuất hiện một cách ngẫu nhiên mà kế thừa truyền thống giao thoa giữa Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo đã hình thành từ trước, đồng thời phát triển trên nền tảng những điều kiện lịch sử và văn hóa đặc thù của Đại Việt dưới triều Trần, đặc biệt trong giai đoạn Trần Nhân Tông trị vì (1278-1293) và thời kỳ ông tu hành, phát triển Thiền phái Trúc Lâm (1299-1308).

Trên nền tảng đó, bối cảnh chính trị – xã hội Đại Việt thời nhà Trần tiếp tục tạo điều kiện thúc đẩy tư tưởng dung hợp tam giáo của Trần Nhân Tông. Sau các cuộc kháng chiến chống Nguyên – Mông, yêu cầu củng cố khối đoàn kết dân tộc và xây dựng một hệ giá trị có khả năng liên kết các tầng lớp xã hội trở nên đặc biệt quan trọng. Trong bối cảnh đó, việc dung hòa những giá trị tích cực của các hệ tư tưởng khác nhau không chỉ là nhu cầu nhận thức mà còn là yêu cầu thực tiễn của quá trình trị quốc và phát triển đất nước. Chính môi trường lịch sử – văn hóa ấy đã tạo tiền đề để Trần Nhân Tông tiếp thu, chọn lọc và dung hợp các nguồn tư tưởng khác nhau, từ đó hình thành một hệ tư tưởng mang tính tổng hợp và bản sắc riêng.

Có thể thấy ở Trần Nhân Tông sự hiện diện đồng thời của cả ba yếu tố Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo. Ba tư tưởng này không tồn tại tách biệt mà được ông vận dụng linh hoạt, hài hòa và phù hợp với bối cảnh thực tiễn. Đối với Nho giáo, đây là tư tưởng đề cao các nguyên tắc đạo đức và trật tự xã hội như tam cương, ngũ thường, chính danh. Trần Nhân Tông, với xuất thân là thái tử nhà Trần và được giáo dục bài bản về

6 Trần Hồng Lưu và Nguyễn Hữu Anh, “Trung dung – một cách thức hoàn thiện đạo đức con người theo tư tưởng Khổng Tử”, *Tạp chí Khoa học xã hội*, số 3, 2023.

7 Nguyễn Huỳnh Bích Phương, “Quan niệm về mối quan hệ con người – tự nhiên trong triết học Đạo gia và ý nghĩa của nó”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh*, số 5, 2018.

8 Thích Nữ Thanh Quế, Thích Hạnh Tuệ (2024), “Phật giáo, Đạo giáo và Nho giáo trong Trúc Lâm Tông Chi Nguyên Thanh”, *Tạp chí Nghiên cứu Phật học*, 2024.

Nho học từ sớm, đã tiếp nhận Nho giáo không đơn thuần như một hệ chuẩn mực khuôn mẫu. Trái lại, ông chủ động điều hòa các giá trị Nho giáo với Phật giáo và Đạo giáo, từ đó hình thành một cách tiếp cận tư tưởng mang tính dung hợp và sáng tạo.

Trong Nho giáo, “tu thân” được xem là yếu tố tiên quyết trong tiến trình “Tu thân – Tề gia – Trị quốc – Bình thiên hạ”, nhấn mạnh yêu cầu tự rèn luyện trí tuệ và phẩm hạnh của cá nhân trước khi đảm đương trách nhiệm xã hội. Với tư cách là một vị vua, đồng thời là một nhà tư tưởng, Trần Nhân Tông đã để lại nhiều tác phẩm có giá trị như *Thiền lâm thiết thủy ngữ lục*, *Đại Hương Hải Ấn thi tập*, *Tăng gia toái sự*... phản ánh chiều sâu tri thức và quá trình tự rèn luyện bền bỉ của ông. Có thể thấy, tinh thần tu thân của Nho giáo đã được ông tiếp nhận và chuyển hóa thành một dạng thực hành trí tuệ – đạo đức, đặt nền tảng cho các lựa chọn chính trị và hành động xã hội sau này.

Đối với Trần Nhân Tông, các phạm trù đạo đức cơ bản của Nho giáo như nhân, lễ, nghĩa giữ vai trò quan trọng trong việc định hình đạo làm người và ổn định trật tự xã hội. Trong các tác phẩm của mình, tiêu biểu là “Cư trần lạc đạo phú”, ông đề cao vai trò của vua, thầy học và cha mẹ – ba mối quan hệ trọng tâm theo quan điểm của Nho giáo khi khẳng định: “Ngay thờ chúa, thảo thờ cha, đi đỗ mới trượng phu trung hiếu”.⁹ Mặc dù “Cư trần lạc đạo phú” là tác phẩm thể hiện rõ tư tưởng Phật giáo nhập thế của Trần Nhân Tông, song trong đó vẫn tồn tại những dấu ấn riêng mang tính thần Nho gia. Đồng thời, Trần Nhân Tông cũng nhấn mạnh rằng nhân nghĩa không chỉ là chuẩn mực luân lý riêng của Nho giáo mà còn là nền tảng đạo đức cốt lõi trong nhân cách con người nói chung. Ông viết: “Nhuộc chín vui bề đạo đức, nửa gian lều quý nữa thiên cung / Dầu hay mến thừa nhân nghì, ba phiền ngôi yêu hơn lâu gác”,¹⁰ hàm ý rằng người sống có đạo đức, nhân nghĩa thì dù nghèo khó, ở chốn đơn sơ vẫn đáng trân trọng hơn kẻ giàu sang nhưng thiếu đạo lý.

Bên cạnh yếu tố Nho giáo, trong tư tưởng Trần Nhân Tông còn tồn tại những yếu tố mang màu sắc Đạo gia. Trong tác phẩm “Sơn phòng mạn hứng”, ông viết: “Thị phi niệm trục triều hoa lạc / Danh lợi tâm tùy dạ vũ hàn”,¹¹ hàm ý rằng những lời khen chê, thị phi hay danh lợi đều là những điều không bền vững và dễ thay đổi. Không quản đến thị phi (phải trái), không màng đến danh lợi, luôn sống tự do tự tại thể hiện lên màu sắc hư vô, vốn là tư tưởng của Đạo gia.¹² Qua đó cho thấy thái độ buông xả đối với thị phi, danh lợi và dục vọng, hướng tới trạng thái an nhiên, tự tại của thân tâm, góp phần hình thành chiều kích siêu thoát trong tư tưởng của Trần Nhân Tông.

Tuy nhiên, màu sắc Đạo giáo trong tư tưởng Trần Nhân Tông không biểu hiện như một hệ thống học thuyết độc lập, mà thể hiện qua quan niệm sống, thái độ đối với quyền lực và cách tổ chức xã hội. Trong sự tương tác với Nho giáo và Phật giáo, yếu tố Đạo giáo đã góp phần tạo nên một mô hình tư tưởng dung hợp, trong đó sự hài hòa và điều tiết dục vọng trở thành một trong những tinh thần tiêu biểu của Trần Nhân Tông.

9 Trần Nhân Tông, “Cư trần lạc đạo phú”, hồi thứ sáu, trong Lê Mạnh Thát (biên khảo), *Toàn tập Trần Nhân Tông*, Nxb. Tổng hợp TP.HCM, 2006.

10 Trần Nhân Tông, “Cư trần lạc đạo phú”, hồi thứ hai, trong Lê Mạnh Thát (biên khảo), *Toàn tập Trần Nhân Tông*, Nxb. Tổng hợp TP.HCM, 2006.

11 Trần Nhân Tông, “Sơn phòng mạn hứng”, kỳ thứ hai, trong Lê Mạnh Thát (biên khảo), *Toàn tập Trần Nhân Tông*, Nxb. Tổng hợp TP.HCM, 2006.

12 Nguyễn Tài Thư, “Xu hướng nhập thế trong tư tưởng Trần Nhân Tông”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 11, 2009.

Phật giáo là nền tảng giữ vị trí trung tâm trong tư tưởng Trần Nhân Tông. Điều này thể hiện không chỉ ở việc ông xuất gia và sáng lập Thiền phái Trúc Lâm, mà còn ở cách ông vận dụng tinh thần Phật giáo vào đời sống chính trị, xã hội và văn hóa Đại Việt. Tuy nhiên, Phật giáo trong tư tưởng Trần Nhân Tông không phải là một hệ thống giáo lý thuần túy xuất thế, mà được triển khai theo hướng gắn với yêu cầu trị quốc và tu dưỡng con người.

Tư tưởng Phật giáo của Trần Nhân Tông trước hết được thể hiện ở quan niệm dung thông và cân bằng giữa đời sống thế tục và con đường tu tập. Trong “Cư trần lạc đạo phú”, ông viết: “Ở đời vui đạo, hãy tùy duyên”,¹³ qua đó cho thấy Phật giáo không bị đặt trong thế đối lập với đời sống xã hội mà được triển khai, ứng dụng ngay trong chính đời sống ấy. Quan niệm này phản ánh tinh thần nhập thế của Phật giáo, vốn là đặc trưng của thời kỳ nhà Trần.

Đáng chú ý, sự dung hợp trong tư tưởng Phật giáo của Trần Nhân Tông còn được diễn ra ngay trong chính nội tại Phật giáo, đặc biệt trên bình diện thiền học. Trên cơ sở kế thừa các dòng thiền truyền thống, Trần Nhân Tông đã dung thông các thiền phái đương thời như Tỳ-ni-đa-lưu-chi, Vô Ngôn Thông và Thảo Đường, từ đó hình thành Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử mang tính tổng hợp và bản sắc dân tộc rõ nét. Đây có thể xem là sự kiện thống nhất Phật giáo đầu tiên ở nước ta, kể từ khi du nhập.¹⁴ Điều này có nghĩa, thiền phái Trúc Lâm là sự kết tinh của nhiều dòng thiền khác nhau, được nội hóa và tổ chức lại để hình thành nên một chỉnh thể thống nhất.

Có thể thấy, tư tưởng dung hợp giữa Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo của Trần Nhân Tông không chỉ phản ánh đặc trưng tư tưởng thời đại mà còn thể hiện tinh thần cởi mở và sáng tạo của ông. Trong đó, Phật giáo đóng vai trò hạt nhân, đây là nền tảng tư tưởng xuyên suốt trong nhận thức, hành động và con đường tu dưỡng của Trần Nhân Tông, đồng thời chi phối quan niệm của ông về con người, đạo đức và mối quan hệ giữa đời sống cá nhân với trách nhiệm xã hội. Trên nền tảng đó, Nho giáo và Đạo giáo tạo nên những tầng ảnh hưởng bổ trợ: Nho giáo góp phần bổ sung các giá trị về đạo đức, trật tự xã hội và trách nhiệm cá nhân; Đạo giáo củng cố những yếu tố về tư tưởng tự nhiên, sự hài hòa và lối sống thanh nhàn, góp phần làm phong phú chiều sâu tư tưởng của ông.

2.2. Tinh thần nhập thế và dung hòa giữa vai trò xã hội và đời sống tu hành

Tinh thần nhập thế là quan niệm sống và hành động trong đó con người không tách mình khỏi đời sống xã hội, mà chủ động dấn thân vào thực tiễn để góp phần giải quyết các vấn đề của cộng đồng, trên cơ sở những giá trị đạo đức và lý tưởng tinh thần nhất định. Ở Trần Nhân Tông, tinh thần nhập thế được thể hiện rõ qua sự thống nhất giữa tu hành và đời sống, giữa giác ngộ cá nhân và trách nhiệm đối với quốc gia, dân tộc.

Trong giai đoạn còn tại vị, Trần Nhân Tông là hiện thân rõ nét của việc vận dụng Phật giáo một cách sáng tạo vào hoạt động cai trị và điều hành đất nước. Đối diện với các cuộc xâm lược của quân Nguyên – Mông, ông không tiếp cận giáo lý Phật giáo theo lối giới luật hình thức, mà đặt tinh thần từ bi trong mối quan hệ biện chứng với trách nhiệm bảo vệ nhân dân Đại Việt. Trong bối cảnh lịch sử đó, việc cầm quân đánh

13 Trần Nhân Tông, “Cư trần lạc đạo phú”, hồi thứ nhất, *tlđđ*, 2006.

14 Thích Tuệ Nhật (Lê Minh Tuấn), “Thiền phái Trúc Lâm qua các thời kỳ lịch sử”, *Tạp chí Nghiên cứu Phật học*, số 1, 2024.

giặc không được nhìn nhận là hành động sát sinh thuần túy mà là một lựa chọn phù hợp nhằm ngăn chặn bạo lực lớn hơn và cứu độ số đông. Đây là sự chuyển hóa quan trọng của tư tưởng Phật giáo đại thừa: chuyển từ ý niệm “không sát sinh” sang nguyên tắc hành động dựa trên mục đích và hệ quả.

Tinh thần từ bi của Phật giáo tiếp tục được Trần Nhân Tông triển khai trong chính sách đối với hàng binh. Sau khi đánh bại quân Nguyên – Mông, ông thực hiện chủ trương khoan dung, thả hàng ngàn hàng binh về nước.¹⁵ Trần Nhân Tông cũng ra lệnh đốt bỏ thư xin hàng của thuộc cấp và thân quyến nhà Trần. Việc làm này giúp những người từng dao động tâm lý không phải sống trong sợ hãi, từ đó yên tâm cống hiến cho đất nước. Những quyết sách trên không chỉ mang ý nghĩa chính trị, thể hiện chính sách ngoại giao mềm dẻo, mà còn cho thấy cách Trần Nhân Tông khéo léo vận dụng tinh thần từ bi của Phật giáo nhằm xoa dịu oán thù sau chiến tranh.

Khi đã nhường ngôi và xuất gia, Trần Nhân Tông vẫn tiếp tục vận dụng tinh thần hòa hiếu trong lĩnh vực ngoại giao. Chuyển du hóa sang Chiêm Thành không đơn thuần là hoạt động tôn giáo, mà còn mang ý nghĩa chính trị khi ông hứa gả công chúa Huyền Trân cho vua Chế Mân. Sau cuộc hôn phối này, hai châu Ô, Lý được sáp nhập vào Đại Việt mà không gây nên bất kỳ tổn thất nào về sinh mạng.¹⁶ Theo quan niệm Phật giáo truyền thống, việc đứng ra sắp đặt hôn nhân không được khuyến khích. Tuy nhiên, trong bối cảnh lịch sử cụ thể, Trần Nhân Tông đã linh hoạt vận dụng tinh thần nhập thế, đặt lợi ích quốc gia lên trên những giới hạn về mặt hình thức của giáo lý. Sự kiện này cho thấy sự dung hòa tài tình giữa tư cách một vị tu sĩ và bản lĩnh của một nhà chính trị, giữa đạo đức Phật giáo và nghệ thuật ngoại giao.

Trong quá trình tu tập và hành đạo, Trần Nhân Tông tiếp tục hiện thực hóa tinh thần nhập thế của Phật giáo thông qua hoạt động giáo hóa đạo đức và định hình đời sống văn hóa cộng đồng. Trong giai đoạn này, ông trực tiếp đi khắp các thôn quê thuyết giảng về Mười điều thiện (thập thiện). Qua đó, ông hướng dẫn Phật tử giữ gìn ngũ giới, tu hành thập thiện.¹⁷ Tinh thần nhập thế ở giai đoạn này không còn được triển khai bằng quyền lực chính trị mà thông qua việc phổ cập các chuẩn mực đạo đức Phật giáo vào đời sống nhân dân.

Có thể thấy, tiến trình nhập thế ở Trần Nhân Tông được triển khai trên nền tảng không tuyệt đối hóa vai trò xã hội hay vị thế của một bậc tu hành. Khi đảm đương vai trò quân vương, ông làm tròn trách nhiệm trị quốc và điều hành triều chính. Khi xả bỏ quyền lực, ông trở về Yên Tử, tiếp tục con đường tu hành hướng Phật. Điều này cho thấy tính linh hoạt và mềm dẻo trong việc dung hòa giữa vai trò xã hội và đời sống tu hành ở Trần Nhân Tông.

3. Ứng dụng tinh thần dung hợp trong tư tưởng Trần Nhân Tông vào việc xây dựng giá trị cá nhân trong bối cảnh hiện nay

Thời đại ngày nay được đặc trưng bởi tính bất ổn và phức tạp với các biến động xã hội, kinh tế diễn ra không ngừng, khiến cho nhiều hệ giá trị truyền thống dần trở

15 Lê Mạnh Thát (biên khảo), *Toàn tập Trần Nhân Tông*, Nxb. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2006, tr. 67.

16 Như trên, tr. 77-78.

17 Dương Tiến Phong, “Kế thừa và phát huy phương pháp tu tập và hành đạo của Tam Tổ Trúc Lâm tại Thiền viện Trúc Lâm Phương Hoàng – Bắc Giang ngày nay”, *Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Phật học*, 2023, <https://tnhi.vnu.edu.vn/ke-thua-va-phat-huy-phuong-phap-tu-tap-va-hanh-dao-cua-tam-to-truc-lam-tai-thien-vien-truc-lam-phuong-hoang-bac-giang-ngay-nay/>, truy cập ngày 02/02/2026.

nên mơ hồ hoặc bị thay thế. Trong bối cảnh đó, việc thích ứng và xác lập hệ giá trị cá nhân trở thành một vấn đề mang tính thiết yếu. Tuy nhiên, thực tế cho thấy không ít người trẻ đã và đang rơi vào trạng thái mơ hồ về bản thân và mục tiêu sống. Một khảo sát với hơn 37.000 sinh viên Việt Nam do Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện cho thấy 56,8% sinh viên thiếu tập trung hoặc không còn hứng thú với học tập và đời sống; nhiều người trong số đó đồng thời báo cáo cảm giác thiếu tự tin, tự đánh giá thấp và không xác định rõ mục đích sống.¹⁸ Những dữ liệu này phản ánh tình trạng hoang mang về định hướng và bản sắc cá nhân trong một bộ phận đáng kể giới trẻ hiện nay.

Thực trạng đó đặt ra yêu cầu cần phải tìm kiếm một phương thức xây dựng và củng cố giá trị văn hóa cá nhân sao cho vừa tránh nguy cơ hòa tan trong bối cảnh đa nguyên giá trị, vừa không rơi vào trạng thái cực đoan hay khép kín. Trong bối cảnh ấy, tinh thần dung hợp trong tư tưởng Trần Nhân Tông có thể được nhìn nhận như một bài học mang giá trị tham chiếu, gợi mở cách thức tiếp nhận và xử lý sự đa dạng các hệ giá trị nhưng vẫn bảo toàn được trục định hướng nội tại của cá nhân. Trước hết, tinh thần dung hợp của ông bắt nguồn từ một tư duy tiếp nhận cởi mở và linh hoạt trước sự đa dạng của các hệ giá trị, song tư duy ấy luôn được đặt trên nền tảng của một trục giá trị cốt lõi mang tính ổn định. Trong cấu trúc tư tưởng của Trần Nhân Tông, Phật giáo giữ vai trò trục giá trị trung tâm, từ đó chi phối cách tiếp nhận và vận dụng các yếu tố Nho giáo và Đạo giáo như những phương tiện phù hợp với từng vai trò xã hội và hoàn cảnh lịch sử cụ thể. Điều này cho thấy dung hợp chỉ thực sự hiệu quả khi được tổ chức xoay quanh một giá trị gốc mang tính nền tảng và cho phép linh hoạt điều chỉnh các giá trị khác thông qua mức độ ưu tiên mà không làm suy giảm chuẩn mực đạo lý cốt lõi. Trên cơ sở đó, dung hợp chỉ đạt được ý nghĩa khi các hệ giá trị được nội tâm hóa và chuyển hóa thành nguyên tắc hành động nhất quán trong đời sống thực tiễn. Ở Trần Nhân Tông, sự thống nhất giữa tư tưởng và hành động được thể hiện rõ qua việc ông vừa hoàn thành vai trò của một vị vua, vừa đạt đến sự viên dung trong đời sống tu hành. Ba phương diện này chính là cơ sở cho việc phân tích và vận dụng tinh thần dung hợp của Trần Nhân Tông trong bối cảnh xã hội hiện đại.

Thứ nhất, tinh thần dung hợp ở Trần Nhân Tông gợi mở yêu cầu phát triển tư duy đón nhận, cởi mở và linh hoạt trong bối cảnh đa nguyên giá trị. Sự đa nguyên này không chỉ xuất phát từ đời sống xã hội truyền thống mà còn chịu tác động mạnh của trí tuệ nhân tạo, mạng xã hội, văn hóa thuật toán, chủ nghĩa tiêu dùng và quá trình toàn cầu hóa văn hóa. Đặc biệt, các nền tảng số và cơ chế gợi ý nội dung đang tham gia trực tiếp vào việc định hình nhận thức và hành vi, khiến việc tiếp cận giá trị không còn hoàn toàn mang tính tự chủ tuyệt đối. Điều này đặt cá nhân vào trạng thái thường xuyên phải lựa chọn giữa những chuẩn mực, kỳ vọng và sự khác biệt, thậm chí là mâu thuẫn.

Trong bối cảnh đó, việc tiếp cận các giá trị theo lối tuyệt đối hóa hoặc loại trừ lẫn nhau không chỉ làm thu hẹp khả năng nhận thức mà còn dễ dẫn đến khủng hoảng định hướng và cực đoan trong hành động. Trần Nhân Tông đã cho thấy một cách tiếp cận khác, theo đó cá nhân có thể tiếp nhận đồng thời nhiều hệ giá trị mà không cần phải phủ định hay đồng nhất hoàn toàn với bất kỳ hệ giá trị nào, miễn là

18 Lê Phương, “Bắt ngờ kết quả khảo sát: 52% sinh viên không làm việc vì không có nhu cầu”, *Báo Dân trí*, 09/11/2021, <https://dantri.com.vn/giao-duc/bat-ngo-ket-qua-khao-sat-52-sinh-vien-khong-lam-viec-vi-khong-co-nhu-cau-20211109073531245.htm>, truy cập ngày 02/02/2026.

vẫn giữ được năng lực phân biệt, đối thoại và lựa chọn có ý thức giữa chúng. Đây là một năng lực nhận thức giúp cá nhân mở rộng tầm nhìn, tăng khả năng thích ứng trước biến động xã hội

Thứ hai, cá nhân cần xác định được một trục giá trị trọng yếu làm điểm neo cho nhận thức, hành động và ra quyết định trong những bối cảnh biến động. Trục giá trị này chỉ có thể trở thành nền tảng ổn định khi đồng thời đáp ứng ba yêu cầu: phù hợp với những giá trị phổ quát mang tính đạo lý chung của xã hội; tương thích với căn tính, trải nghiệm và định hướng sống của cá nhân; và có khả năng duy trì hiệu lực định hướng lâu dài, không bị chi phối bởi những biến động ngắn hạn của hoàn cảnh hay các chuẩn mực thành công mang tính nhất thời. Tư tưởng Trần Nhân Tông gọi mở rằng dung hợp chỉ có ý nghĩa khi được đặt trên cơ sở phân định rõ đâu là trục giá trị gốc bất khả đánh đổi và đâu là những giá trị có thể linh hoạt điều chỉnh. Trục giá trị gốc chính là nền tảng cốt lõi giúp chủ thể đứng vững trước hoàn cảnh, trong khi các giá trị linh hoạt có thể được điều chỉnh về phương thức và mức độ ưu tiên mà không làm tổn hại đến chuẩn mực nền tảng. Việc xác lập cấu trúc này giúp chủ thể vừa giữ được sự nhất quán nội tâm, vừa nâng cao năng lực thích ứng trước những biến đổi của môi trường sống. Thực tiễn cho thấy, khi thiếu một trục giá trị rõ ràng, cá nhân dễ bị chi phối bởi các tiêu chí mang tính nhất thời, từ đó làm suy giảm năng lực tự chủ trong việc lựa chọn và định hình lối sống của chính mình.

Thứ ba, tinh thần dung hợp ở Trần Nhân Tông gọi mở yêu cầu thống nhất giữa giá trị nội tại và hành động thực tiễn của cá nhân. Một trong những biểu hiện quan trọng của khủng hoảng giá trị ở con người hiện đại không chỉ nằm ở sự mơ hồ về định hướng, mà còn ở sự đứt gãy giữa nhận thức giá trị và hành vi cụ thể trong đời sống. Cá nhân có thể tiếp nhận nhiều hệ giá trị khác nhau, song nếu thiếu một cơ chế chuyển hóa các giá trị ấy thành nguyên tắc hành động nhất quán, sự dung hợp sẽ dừng lại ở tầng nhận thức mà không tạo ra giá trị bền vững. Trong thực tiễn đời sống của Trần Nhân Tông, tinh thần dung hợp không tồn tại như một hệ tư tưởng trừu tượng, mà được hiện thực hóa qua các quyết định và hành động cụ thể. Sự thống nhất giữa giá trị nội tại và hành động thực tiễn cho thấy dung hợp chỉ thực sự có ý nghĩa khi được biểu hiện và củng cố thông qua hành động. Do đó, việc xây dựng giá trị cá nhân trong bối cảnh hiện đại không thể dừng lại ở việc lựa chọn hay tiếp nhận các giá trị phù hợp, mà cần hướng tới việc nội tâm hóa chúng thành nguyên tắc hành động, qua đó tạo ra sự nhất quán giữa đời sống tinh thần và thực tiễn xã hội của cá nhân.

Ở góc độ xã hội, để cá nhân có thể hình thành và vận dụng hiệu quả các định hướng trên, cần có sự chung tay và hỗ trợ từ các thiết chế xã hội trong việc kiến tạo môi trường hình thành giá trị. Đặc biệt, hệ thống giáo dục, trong đó có giáo dục pháp luật và đào tạo nghề nghiệp không chỉ dừng ở vai trò truyền tải kiến thức, mà cần phải trở thành không gian rèn luyện năng lực lựa chọn giá trị cho người học.

Các tổ chức giáo dục cần gắn nội dung học tập với các tình huống thực tiễn của đời sống và nghề nghiệp, giúp người học có cơ hội trực tiếp nhận diện xung đột giá trị, phân tích phương án lựa chọn và thực hành ra quyết định. Thông qua đó, các thiết chế xã hội góp phần hình thành năng lực phản tư và năng lực hành động có định hướng, bảo đảm sự thống nhất giữa nhận thức, lựa chọn và hành vi của cá nhân trong bối cảnh xã hội hiện đại.

Có thể thấy, tinh thần dung hợp trong tư tưởng Trần Nhân Tông gợi mở bài học quan trọng về cách con người tiếp cận linh hoạt các hệ giá trị trong bối cảnh đa nguyên, đồng thời củng cố trục giá trị cốt lõi và chuyển hóa giá trị thành hành động nhất quán. Cách tiếp cận này gợi mở một mô hình xây dựng giá trị cá nhân vừa ổn định nội tại, vừa thích ứng linh hoạt trước những biến động không ngừng của đời sống hiện đại.

Kết luận

Từ việc phân tích tinh thần dung hợp trong tư tưởng Trần Nhân Tông, có thể thấy rằng sự kết hợp linh hoạt giữa các tư tưởng đương thời đã hình thành nên một hệ giá trị vừa hướng nội, vừa mang tính nhập thế rõ nét ở ông. Chính tinh thần dung hợp này cho phép Trần Nhân Tông vượt qua những giới hạn cứng nhắc của từng hệ tư tưởng riêng lẻ, qua đó xây dựng một hệ giá trị phù hợp với bối cảnh lịch sử - xã hội của thời đại. Ứng dụng trong thời đại hiện nay, khi con người phải đối diện với sự bất ổn, phức tạp và khủng hoảng định hướng giá trị, tinh thần dung hợp trong tư tưởng Trần Nhân Tông gợi mở một cách tiếp cận có ý nghĩa thực tiễn đối với việc xây dựng hệ giá trị cá nhân. Thay vì tuyệt đối hóa hoặc phủ định các hệ giá trị truyền thống, cá nhân cần có khả năng chọn lọc và vận dụng linh hoạt các giá trị phù hợp với hoàn cảnh sống và điều kiện xã hội cụ thể, cũng như kiến tạo cho mình một trục giá trị nội tâm bền vững. Việc vận dụng tinh thần dung hợp này không chỉ giúp cá nhân định vị bản thân và định hướng hành vi một cách vững vàng, mà còn góp phần tạo lập sự hài hòa giữa cá nhân và cộng đồng xã hội trong bối cảnh hiện đại. ●

Tài liệu tham khảo

- [1] John W. Berry, "Immigration, acculturation and adaptation", *Applied Psychology: An International Review*, Vol. 46(1), 1997. DOI: <https://doi.org/10.1111/j.1464-0597.1997.tb01087.x>
- [2] Gadamer, HansGeorg, *Truth and method*, Nxb. Continuum, London/New York, 2004
- [3] David Jones và Roger T. Ames, "Philosophy and the early Chinese world view - An interview with Roger Ames", *Education About Asia*, Vol. 9(1), 2004
- [4] Young Yun Kim, *Becoming intercultural: An integrative theory of communication and cross cultural adaptation*, Nxb. Sage, Thousand Oaks, CA/London, 2001. DOI: <https://doi.org/10.4135/9781452233253>
- [5] Lê Mạnh Thát (biên khảo), *Tồn tập Trần Nhân Tông*, Nxb. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2006 [trans: Le Manh That (comp. & ed.), *Complete Works of Trần Nhân Tông*, Ho Chi Minh City General Publishing House, 2006.]
- [6] Batja Mesquita, Jozefien De Leersnyder và Alba Jasini, "The cultural psychology of acculturation", in *Handbook of cultural psychology*, ed. Shinobu Kitayama và Dov Cohen, Nxb. Guilford Press, New York, 2019
- [7] Nguyễn Huỳnh Bích Phương, "Quan niệm về mối quan hệ con người - tự nhiên trong triết học Đạo gia và ý nghĩa của nó", *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh*, số 5, 2018 [trans: Nguyen Huynh Bich Phuong, "The conception of the human nature relationship in daoist philosophy and its significance", *Journal of Science, Ho Chi Minh City University of Education*, No. 5, 2018]
- [8] Nguyễn Tài Thư, "Xu hướng nhập thế trong tư tưởng Trần Nhân Tông", *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 11, 2009 [trans: Nguyen Tai Thu, "The tendency toward worldly engagement in the thought of Trần Nhân Tông", *Journal for Religious Studies*, No. 11, 2009]
- [9] Thích Tuệ Nhật (Lê Minh Tuấn), "Thiền phái Trúc Lâm qua các thời kỳ lịch sử", *Tạp chí Nghiên cứu Phật học*, số 1, 2024 [trans: Thich Tue Nhat (Le Minh Tuan), "Truc Lam zen school through Historical periods", *Journal of Buddhist Studies*, No. 1, 2024]
- [10] Trần Hồng Lưu và Nguyễn Hữu Anh, "Trung dung - một cách thức hoàn thiện đạo đức con người theo tư tưởng Khổng Tử", *Tạp chí Khoa học xã hội*, số 3, 2023 [trans: Tran Hong Luu and Nguyen Huu Anh, "The doctrine of the mean - A way to perfect human morality according to confucian thought", *Social Sciences Journal*, No. 3, 2023]